

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----*****-----**

Bản án số: **57 /2017/HNGĐ-ST**
Ngày 22.9.2017
V/ v: tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hải Yến**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang**
2. Bà Trần Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lài** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Trịnh Thị Bích Khuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2017/TL-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2017; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017 ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thu H** – sinh năm: 1968

ĐKHK: Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội

Hiện ở tại: tập thể K, phường K, quận H, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: **Anh Đỗ Xuân S** – sinh năm: 1963

ĐKHK: Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: khu Đ, phường B, quận H, thành phố Hà Nội

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 3 năm 2016, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn – chị Trần Thu H trình bày:

Chị và anh Đỗ Xuân S kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn từ năm 1991 đến năm 2001 vợ chồng chung sống tại số Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội, từ năm 2001 đến nay anh chị sống tại khu Đ, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2008 mọi việc bình thường, mâu thuẫn nhỏ thì tự khắc phục. Từ năm 2008 đến 2009 anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, thiếu tôn trọng nhau, tính cách không hợp nhau, đã có lần anh chị xảy ra xô xát, đánh nhau. Chị và anh S sống ly thân từ năm 2014 đến nay không ai quan tâm ai, khoảng 02 năm nay anh S và chị không ăn cơm cùng nhau, kinh tế độc lập, 03 năm nay không ai nói chuyện với ai và mỗi người sống một phòng trong một nhà. Từ ngày 15/6/2017 chị và con gái đã đi thuê nhà ở tại tập thể K, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội còn anh S vẫn ở tại khu Đ, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị xin được ly hôn anh S. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị sớm để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Đỗ Sơn H1, sinh ngày 05/4/1992 và Đỗ Thu Q, sinh ngày 06/4/2002. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu anh S đóng góp nuôi cháu Q là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng. Nhưng tại biên bản hòa giải ngày 03/8/2017 chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản và nhà ở chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 20/3/2017, được bổ sung trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn anh Đỗ Xuân S trình bày:

Anh và chị Trần Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn từ năm 1991 đến năm 2001 vợ chồng chung sống tại Q, phường

Q, quận H, thành phố Hà Nội, từ năm 2001 đến nay anh chị sống tại khu Đ, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, thiếu tôn trọng nhau, tính cách không hợp, có 01 lần do không kiềm chế nên anh đã đánh chị H và sau đó anh đã xin lỗi chị H và gia đình. Sau đó vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một phòng, kinh tế độc lập từ đó cho đến nay. Anh vẫn cố gắng chăm lo và hàn gắn gia đình nhưng chị H không muốn vợ chồng đoàn tụ nên đã làm đơn ly hôn. Mặc dù sống ly thân mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Anh đồng ý vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh nghĩ đến gia đình hai bên và muốn các con có cả bố và mẹ. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Đỗ Sơn H1, sinh ngày 05/4/1992 và Đỗ Thu Q, sinh ngày 06/4/2002. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu anh đóng góp nuôi con là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng. Nhưng tại biên bản hòa giải ngày 03/8/2017 chị H yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu Q 2.000.000đ (hai triệu đồng) anh đồng ý.

Về tài sản và nhà ở chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những vấn đề nêu trên, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện tổ dân phố tổ 15D, phường B, quận H, thành phố Hà Nội cung cấp:

Anh Đỗ Xuân S và chị Trần Thu H ở tại khu Đ, phường B, quận H, thành phố Hà Nội từ năm 2001 đến nay. Quá trình chung sống tại địa chỉ trên anh S và chị H đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần (khoảng từ năm 2009 đến nay), nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp, không còn tin tưởng nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Anh S không quan tâm đến gia đình vợ con, đi làm thường xuyên về muộn. Hiện nay, chị H và con gái đã đi thuê nhà ở chỗ khác còn anh S vẫn ở tại địa chỉ trên. Nay chị H làm đơn xin ly hôn tổ dân phố đã nghe chị H nhiều lần trình bày chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vì vậy tổ dân

phổ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh S để chị H và con ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Đỗ Sơn H1, sinh ngày 05/4/1992 và Đỗ Thu Q, sinh ngày 06/4/2002. Cháu H1 đã đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh còn cháu Q đang đi học và ở với chị H. Nếu anh chị phải ly hôn tổ dân phố đề nghị Tòa án giao cháu Q cho chị H nuôi vì cháu Q là con gái và vẫn đang đi học.

Về tài sản và nhà ở chung: Tổ dân phố không nắm rõ.

Tai phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên ý kiến, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay và chị xin ly hôn anh S.

Anh S vẫn giữ nguyên ý kiến, anh không đồng ý ly hôn chị H vì anh nghĩ đến các con và gia đình, chị H và anh cứ sống ly thân như vậy cũng được nhưng anh không đồng ý ly hôn. Chị H kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là đúng thẩm quyền, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ và lời trình bày của các đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thu H xin ly hôn anh Đỗ Xuân S. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Đỗ Sơn H1, sinh ngày 05/4/1992 và Đỗ Thu Q, sinh ngày 06/4/2002. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu anh S đóng góp nuôi con là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng và anh S đồng ý. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị H có đơn xin ly hôn anh S, anh S hiện đang ở tại địa chỉ khu Đ, phường B, quận H, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về tình cảm: Chị Trần Thu H và anh Đỗ Xuân S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 1991 tại Ủy ban nhân dân phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H thấy không hạnh phúc nên đã gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn anh S. Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã kéo dài, vợ chồng không tin tưởng nhau, thiếu tôn trọng nhau, tính cách không hợp, đã có lần anh chị xảy ra xô xát. Từ năm 2014 đến nay anh chị sống ly thân không ai quan tâm ai, không ăn cơm cùng nhau, kinh tế độc lập, 03 năm nay không ai nói chuyện với ai và mỗi người sống một phòng trong một nhà. Từ ngày 15/6/2017 chị và con gái đã đi thuê nhà ở tại tầng tập thể K, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội còn anh S vẫn ở tại khu Đ, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, anh S không đồng ý ly hôn nhưng anh đã không có giải pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ là không còn, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp xây dựng một gia đình hạnh phúc vững bền nên chị H xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh S.

3. Về con chung: chị Trần Thu H và anh Đỗ Xuân S có 02 con chung là: Đỗ Sơn H1, sinh ngày 05/4/1992 và Đỗ Thu Q, sinh ngày 06/4/2002. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị và phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Q cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu Q đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng để chị H nuôi con.

Anh S có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về công nợ chung: Anh chị cùng xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài những vấn đề nêu trên, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

1. Về án phí: Chị H và anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều: 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điều 39 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điều 35, 39, khoản 4 điều 147, điều 203, 205, 220, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điều 25, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội: quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016)

XỬ:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thu H đối với anh Đỗ Xuân S. Chị H được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị Trần Thu H và anh Đỗ Xuân S có 02 con chung là: Đỗ Sơn H1, sinh ngày 05/4/1992 và Đỗ Thu Q, sinh ngày 06/4/2002.

Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao cháu Q cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi sự thay đổi về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi sự thay đổi khác.

Anh S có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh chị cùng xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002431 ngày 09/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

- Anh S phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thu H và anh Đỗ Xuân S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát quận Hai Bà Trưng;
- Thi hành án Quận Hai Bà Trưng;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKS ND TP Hà Nội;
- UBND phường Q, HN
(đăng ký ngày 07/3/1991)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến